



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU
THANH LỄ - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 15 / 9 / 2017

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Hạ

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	8 - 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2015	11
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2015	12 - 55



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2015 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp; Mã số doanh nghiệp **3700146458**, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 11 tháng 11 năm 2015

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương

Vốn điều lệ : **1.717.144.000.000** Đồng

Vốn pháp định : **6.000.000.000** Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có :

Trụ sở chính

Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : (84-650) 382 9535 – 382 9608

Fax : (84-650) 382 4112 – 382 9533

Website : www.thalexim.com

E-mail : thalexim@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : **3700146458**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

* Các Đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc	Địa chỉ
1. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Quận 1, TP. HCM
2. Chi nhánh Tổng công ty tại TP Long Xuyên	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
3. Chi nhánh Tổng công ty tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Xã Thủy Phù, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế.
4. Công viên Văn hóa Thanh Lễ	TP Thủ Dầu Một, Bình Dương
5. Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	TP Thủ Dầu Một, Bình Dương
6. Kho Lương thực	TP Thủ Dầu Một, Bình Dương
7. Ban Quản lý KCN Sóng Thần I – Bình Dương	TX Dĩ An – Bình Dương
8. Hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu (18 cửa hàng)	Tỉnh Bình Dương
9. Nhà máy sản xuất Bê tông	Tỉnh Bình Dương
10. Trung tâm hội nghị nhà hàng khách sạn Gold Star	Tỉnh Bình Dương

*** Các Công ty con**

1. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ
2. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương
3. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương
4. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương
5. Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương
6. Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Bình Dương

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng thành viên

- | | | |
|--------|---------------------|------------------------------|
| 1. Ông | Đoàn Minh Quang | Chủ tịch Hội đồng thành viên |
| 2. Ông | Huỳnh Xuân Phương | Thành viên |
| 3. Ông | Trần Đình Giáp | Thành viên |
| 4. Bà | Phạm Thị Băng Trang | Thành viên |
| 5. Bà | Phạm Thị Kim Thành | Thành viên |

3482-003
CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN
TÂM VIỆT
CHI NHÁNH
THÀNH PHỐ
CHÍ MINH
CHỖ CHỮ

Kiểm soát viên

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Đoàn Minh Quang Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
2. Ông Huỳnh Xuân Phương Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Trần Đình Giáp Phó Tổng Giám đốc
4. Bà Phạm Thị Kim Thành Phó Tổng Giám Đốc
5. Ông Đặng Văn Đoàn Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này, Công ty Nhân Tâm Việt bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH Một thành viên được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 08 đến trang 55.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2015 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- * Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2015 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty



Tổng Giám đốc – Đoàn Minh Quang

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Số: 89/2016/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 20 tháng 5 năm 2016, từ trang 08 đến trang 55, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu..

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày;

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần lưu ý

Trong năm 2015, Tổng Công ty đã trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban Điều hành theo mức 03 tháng lương thực hiện. Về vấn đề này chúng tôi xin được lưu ý, việc trích các Quỹ như trên cần phù hợp với quy định tại Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh



Giám đốc – Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0486-2014-124-1

Kiểm toán viên – Lê Hồng Long

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0786-2014-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2016

38482-1
CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN
NHÂN TÂM VIỆT
CHI NHÁNH
TẠI THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
PHỐ HỒ CHÍ MINH

0384
CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN
NHÂN TÂM VIỆT
CHI NHÁNH
TẠI THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
PHỐ HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.331.721.830.436	5.026.314.185.364
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.291.013.303.525	1.038.556.880.058
111	1 Tiền		288.013.303.525	688.556.880.058
112	2 Các khoản tương đương tiền		1.003.000.000.000	350.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		335.000.000.000	1.200.000.000.000
123	3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	335.000.000.000	1.200.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.479.545.430.300	1.715.204.863.044
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	910.686.905.163	1.243.723.608.808
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	392.997.308.118	369.655.091.595
136	6 Phải thu ngắn hạn khác	V.5	176.924.883.219	101.968.164.572
137	7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(1.063.666.200)	(1.063.666.200)
139	8 Tài sản thiếu chờ xử lý	V.7	-	921.664.269
140	IV. Hàng tồn kho		1.204.335.127.181	1.006.897.101.779
141	1 Hàng tồn kho	V.8	1.204.335.127.181	1.006.897.101.779
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		21.827.969.430	65.655.340.483
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9	1.761.016.230	4.241.012.748
152	2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.10	10.028.201.278	
153	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	10.038.751.922	61.414.327.735
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.516.942.098.774	2.845.650.245.436
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		20.280.000.000	20.280.000.000
216	6 Phải thu dài hạn khác	V.12	20.280.000.000	20.280.000.000
220	II. Tài sản cố định		378.408.149.250	433.665.833.743
221	1 Tài sản cố định hữu hình	V.13	257.916.409.302	256.984.353.429
222	- Nguyên giá		597.313.713.601	630.438.095.670
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(339.397.304.299)	(373.453.742.241)
227	3 Tài sản cố định vô hình	V.14	120.491.739.948	176.681.480.314
228	- Nguyên giá		178.051.166.657	231.715.754.457
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(57.559.426.709)	(55.034.274.143)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.15	168.461.134.512	169.668.390.048
231	- Nguyên giá		189.947.395.401	189.947.395.401
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.486.260.889)	(20.279.005.353)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		913.985.155.074	1.204.647.741.823
241	1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.16	191.296.137.500	425.541.137.228
242	2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.17	722.689.017.574	779.106.604.595
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		1.004.143.538.185	985.748.273.020
251	1 Đầu tư vào công ty con	V.18	1.004.143.538.185	985.748.273.020
260	VI. Tài sản dài hạn khác		31.664.121.753	31.640.006.802
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	V.19	31.664.121.753	31.640.006.802
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.848.663.929.210	7.871.964.430.800

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.147.123.785.313	6.201.685.106.682
310	I. Nợ ngắn hạn		4.524.944.178.548	5.629.970.415.365
311	1 Phải trả người bán ngắn hạn	V.20	828.079.902.414	1.840.512.935.899
312	2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.21	34.573.345.017	77.148.127.145
313	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.22	152.817.698.223	267.440.051.831
314	4 Phải trả người lao động	V.23	783.078.675	13.282.287.332
315	5 Chi phí phải trả ngắn hạn	V.24	2.296.053.560	3.130.885.925
319	9 Phải trả ngắn hạn khác	V.25	578.222.977	93.777.195.116
320	10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.26	3.336.522.600.688	2.982.263.366.397
322	12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.27	24.721.367.432	18.599.438.158
323	13 Quỹ bình ổn giá	V.28	144.571.909.562	333.816.127.562
330	II. Nợ dài hạn		622.179.606.765	571.714.691.317
336	6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.29	292.405.617.599	280.708.062.715
337	7 Phải trả dài hạn khác	V.30	77.211.489.166	24.006.628.602
338	8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.31	252.562.500.000	267.000.000.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.701.540.143.897	1.670.279.324.118
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.32	1.701.540.143.897	1.670.279.324.118
411	1 Vốn góp của chủ sở hữu	V.32.1	1.701.540.143.897	1.639.000.000.000
417	7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	V.32.2	-	-
418	8 Quỹ đầu tư phát triển	V.32.3	-	31.279.324.118
421	11 Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.32.4	-	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		-	-
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.848.663.929.210	7.871.964.430.800

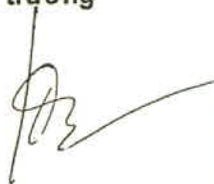
Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Người lập biểu



Hà Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Phạm Thị Băng Trang

Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.34	13.732.720.837.770	24.765.860.904.982
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.34	13.732.720.837.770	24.765.860.904.982
11	4 Giá vốn hàng bán	VI.35	13.396.691.463.131	24.425.233.120.648
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		336.029.374.639	340.627.784.334
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	VI.36	197.103.631.971	195.225.046.899
22	7 Chi phí tài chính	VI.37	217.929.513.810	144.642.096.006
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		110.151.176.572	119.035.361.570
24	8 Chi phí bán hàng	VI.38	206.326.624.353	278.504.459.170
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.39	42.629.517.065	39.342.533.966
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		66.247.351.382	73.363.742.091
31	11 Thu nhập khác	VI.40	2.180.776.892	57.331.283.242
32	12 Chi phí khác	VI.41	780.917.547	8.592.642.504
40	13 Lợi nhuận khác		1.399.859.345	48.738.640.728
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		67.647.210.727	122.102.382.819
51	15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.42	24.762.028.681	12.476.546.191
52	16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		42.885.182.046	109.625.836.628

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Người lập biểu



Hà Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Phạm Thị Băng Trang

Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		17.390.738.671.901	27.990.542.935.967
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(14.554.196.994.125)	(22.149.677.482.956)
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(64.489.070.947)	(50.457.366.131)
04	4 Tiền lãi vay đã trả		(224.236.157.051)	(189.538.949.882)
05	5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.22	(18.782.552.282)	(18.203.307.459)
06	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.565.631.385.582	438.307.420.684
07	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.509.921.339.201)	(4.543.775.115.815)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(415.256.056.123)	1.477.198.134.408
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(163.692.938.713)	(195.661.705.736)
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(685.000.000.000)	(6.953.372.158.789)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.300.000.000.000	5.753.372.158.789
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		172.664.976.511	91.374.751.493
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		623.972.037.798	(1.304.286.954.243)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3 Tiền thu từ đi vay		12.862.890.393.937	17.047.838.177.195
34	4 Tiền trả nợ gốc vay		(12.819.151.772.672)	(17.337.839.437.787)
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(2.675.609.426)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		43.738.621.265	(292.676.870.018)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		252.454.602.940	(119.765.689.853)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	1.038.556.880.058	1.158.321.213.183
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.820.527	1.356.728
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	1.291.013.303.525	1.038.556.880.058

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Người lập biểu



Hà Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Phạm Thị Băng Trang

Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2015 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ TNHH MTV. Một thành viên (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một Thành viên thuộc sở hữu nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh Xăng dầu; Mua bán nguyên liệu, nhiên liệu Xăng dầu.
- Mua bán phân bón, vật tư nông nghiệp (thuốc trừ sâu), hóa chất cơ bản, sản phẩm hóa chất, bao bì; Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán thiết bị phụ tùng, sản phẩm điện, điện tử và hàng tiêu dùng; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, sơn mài, gỗ chạm, gốm sứ; thủy tinh, thảm len, sản phẩm da, giả da, cao su, hàng gỗ gia dụng, hàng thủ công mỹ nghệ khác; Mua bán phương tiện vận tải, thiết bị cơ khí dân dụng, thiết bị vật tư ngành in; Mua bán nông, lâm sản chế biến: hạt điều, ca phê, tiêu, đậu, cao su, lương thực, thực phẩm; Mua bán dược liệu; hàng may mặc, dệt, nhuộm;
- Tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình dân dụng, công cộng, giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; Thi công các công trình công cộng, giao thông; Thi công hạ tầng kỹ thuật;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, nhà ở công nhân. Đầu tư kinh doanh khai thác chợ, siêu thị, trung tâm Thương mại, khu dịch vụ vui chơi giải trí;
- Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, phòng họp, tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo, cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát;
- Kinh doanh kho ngoại quan; Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh công viên cây xanh, tổ chức các loại hình vui chơi giải trí;
- Sản xuất gia công giày dép các loại; Sản xuất gia công các sản phẩm may mặc;

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

- Sản xuất chế biến hàng nông, lâm, hải sản;
- Sản xuất bao bì; in ấn bao bì;
- Gia công chế biến Xăng dầu;
- Đầu tư, thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, Tổng công ty liên kết.

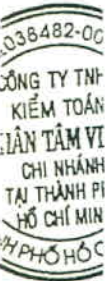
Hoạt động kinh doanh chủ yếu trong năm là Kinh doanh Xăng dầu; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán nông sản, vật liệu xây dựng; Kinh doanh công viên cây xanh, tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh phục vụ ăn uống giải khát.

Tổ chức hệ thống hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

* Các đơn vị, cơ sở kinh doanh trực thuộc được hợp cộng vào Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty bao gồm:

- | | |
|---|--|
| 1. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM | Số 102, Nguyễn Du, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2. Chi nhánh Tổng công ty tại TP Long Xuyên | Số 493/43, Trần Hưng Đạo, Thành phố. Long Xuyên, Tỉnh An Giang. |
| 3. Chi nhánh Tổng công ty tại Tỉnh Thừa Thiên Huế | Thôn 1B, Xã Thủy Phú, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế. |
| 4. Công viên Văn hóa Thanh Lễ | 563-567 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương |
| 5. Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ | Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chánh Mỹ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương |
| 6. Kho Lương thực | Số 63/18, đường Huỳnh Văn Cù, xã Chánh Mỹ, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương |
| 7. Ban Quản lý KCN Sóng Thần I – Bình Đường | Số 09, đường số 01, KCN Sóng Thần 1, Thị trấn Dị An, Tỉnh Bình Dương |
| 8. Hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu (18 cửa hàng) | Tỉnh Bình Dương |
| 9. Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn | Tỉnh Bình Dương |
| 10. Trung tâm hội nghị nhà hàng khách sạn Gold Star | Số 37 Hùng Vương, P. Phú Cường, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương |



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

❖ **Hệ thống các Công ty con (được ghi nhận theo giá gốc) bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty
1. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Số 36/8 đường ĐT 743, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	57,00%
2. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Tầng 3, Số 63 Đường Yersin, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	76,60%
3. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Tầng 3, Số 63 Đường Yersin, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	80%
4. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Số 606 Đại Lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, TX. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	100%
5. Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Đường ĐT743, khu phố Trung Thắng, Phường Bình Thắng, TX Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	100%
6. Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Bình Dương	Khu phố 2, Thị trấn Phước Vĩnh, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương	100%

Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong niên độ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2015 tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty sụt giảm mạnh so với năm trước. Nguyên nhân chính là do:

- ❖ Ảnh hưởng các tác động của việc giá dầu thế giới giảm liên tục, kéo dài và do ảnh hưởng bởi cơ chế điều hành giá xăng dầu của nhà nước. Để bảo toàn vốn kinh doanh trong xu thế giá giảm, các đại lý, tổng đại lý chỉ mua hàng cầm chừng, giảm dự trữ để tối ưu hóa tồn kho. Là đơn vị kinh doanh trong nhiều lĩnh vực, trong đó kinh doanh xăng dầu là hoạt động chủ yếu (chiếm 98% trên tổng doanh thu) nên kết quả hoạt động kinh doanh xăng dầu đã chi phối kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty; và
- ❖ Ảnh hưởng của tỷ giá ngoại tệ tăng đã ảnh hưởng lớn đến chi phí kinh doanh của Tổng Công ty.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là "Thông tư 200"): Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp mới (thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính). Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của niên độ kế toán trước đối với một số chỉ tiêu phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong Báo cáo tài chính niên độ kế toán này như trình bày tại Thuyết minh số VII.1

3. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì Công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc ghi sổ kế toán theo nguyên tắc sau:
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
 - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động (tỷ giá bình quân gia quyền sau từng lần nhập).

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.
- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.



Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quý, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

6. Hàng tồn kho

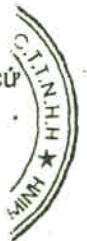
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền hàng tháng và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.



03
ĐƠN
KIỂM
SỐ
CH
U TH
KẾ C
HOC

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 50
- Máy móc và thiết bị	03 – 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
- Tài sản cố định khác	03 – 08

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định (TSCĐ) vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và doanh nghiệp có khả năng kiểm soát đối với lợi ích trong tương lai (có nguồn gốc từ quyền pháp lý). Nguyên giá TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

TSCĐ vô hình của Tổng Công ty là Quyền sử dụng đất (QSDĐ), được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế. QSDĐ là tiền thuê đất Tổng Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất là 22 – 50 năm.

Chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ lâu dài thì không trích khấu hao.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

M.S.C.N

482
TY T
H TO
TAM V
NHAM
ANH P
LI MINH
HOC

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

BĐSDT được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của BĐSĐT là 45 năm.

11. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

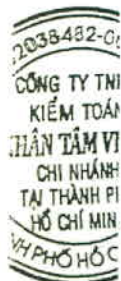
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.



Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

12. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán, và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong niên độ kế toán, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được hạch toán theo số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều niên độ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ (gọi là doanh thu nhận trước); các khoản doanh thu, thu nhập chưa thực hiện khác.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng thành viên hàng năm và phù hợp với các quy định hiện hành.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

22. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	10.398.139.495	1.670.727.877
- Tiền gửi ngân hàng	277.615.164.030	686.882.238.181
- Tiền đang chuyển	-	3.914.000
- Các khoản tương đương tiền	1.003.000.000.000	350.000.000.000
Cộng	1.291.013.303.525	1.038.556.880.058
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	335.000.000.000	1.200.000.000.000

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

- Công ty CP Công nghiệp Đông Hưng	219.238.912.763	219.238.912.763
- Công ty TNHH Hải Linh	71.100.671.839	653.915.944.147
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	43.177.265.282	35.523.381.680
- Công ty CP Xăng dầu và DV Hàng hải STS	15.000.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dịch vụ Phúc Thịnh	41.920.557.800	-
- Công ty TNHH TM DV Hiệp Quế	172.554.491.407	-
- Công ty TNHH Huy Hồng	20.615.207.083	22.609.433.283
- Công ty CP NICOTEX Nam Thái Dương	19.856.827.041	30.365.677.041
- Công ty TNHH MTV TM Nghĩa Thắng II	17.631.025.423	15.425.831.943
- DNTN Trạm Xăng dầu Phước Thành	16.130.950.902	16.508.925.702
- DNTN Trạm Xăng dầu Nghĩa Thắng	15.868.644.719	14.976.954.552
- Công ty TNHH TM Hồ Bửu	14.875.608.400	5.174.985.200
- DNTN Huy Dũng	6.745.967.836	6.969.126.406
- Công ty TNHH TM Dịch vụ Phan Tuấn	6.501.375.349	22.254.012.249
- Công ty TNHH Xăng dầu Huy Hoàng	6.436.848.742	7.509.466.840
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khác	223.032.550.577	193.250.957.002
Cộng	910.686.905.163	1.243.723.608.808

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Công ty CP Hóa An	38.000.000.000	-
- Lê Văn Nhỏ - Nguyễn Thị Cúc	18.141.000.000	-
- Lư Kỳ Tuyết	30.000.000.000	30.000.000.000
- Nguyễn Mạnh Hùng	26.121.578.600	26.121.578.600
- Nguyễn Thanh Sơn	24.698.400.000	24.698.400.000
- Đỗ Thị Thu	19.283.183.250	19.283.183.250
- Tổng Công ty Đầu tư PT Nhà và Đô Thị	16.231.568.939	7.327.512.000
- Nguyễn Vũ Hữu Minh	12.301.090.000	12.301.090.000
- Công Ty CP TM Tổng hợp Thuận An	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	-	44.227.724.619
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	198.220.487.329	195.695.603.126
Cộng	392.997.308.118	369.655.091.595

5. Phải thu ngắn hạn khác

- Tạm ứng của CB. CNV	33.510.759.845	5.938.354.945
- Công ty TNHH MTV Vật liệu & Xây dựng Bình Dương	99.674.466.820	62.707.544.222
- Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương	14.718.679.937	14.718.679.937
- Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Bình Dương	10.152.936.743	4.337.936.510
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Bình Dương	6.219.236.112	947.222.223
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	2.733.333.333	3.188.888.889
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh TP.HCM	98.888.889	4.304.166.667
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	4.778.158.328	-
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải STS	2.406.394.503	-
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	-	2.400.000.000
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.632.028.709	3.425.371.179
Cộng	176.924.883.219	101.968.164.572

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

6. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nợ gốc	Dự phòng	Nợ gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH Phúc Gia Khang	540.000.000	540.000.000	540.000.000	540.000.000
- Công ty TNHH Norco Tiles	523.666.200	523.666.200	523.666.200	523.666.200
Cộng	1.063.666.200	1.063.666.200	1.063.666.200	1.063.666.200

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

- 921.664.269

Giá trị xăng dầu hao hụt trong vận chuyển tại Kho Chánh Mỹ.

8. Hàng tồn kho

- Hàng mua đang đi đường	79.420.767.852	105.921.022.284
- Nguyên liệu, vật liệu	4.496.889.145	5.323.384.586
- Công cụ, dụng cụ	1.277.766.260	1.502.622.615
- Thành phẩm Bất động sản	472.848.410.488	
- Hàng hóa	594.636.047.296	691.422.942.624
- Hàng hóa Bất động sản	51.655.246.140	202.727.129.670
Cộng	1.204.335.127.181	1.006.897.101.779

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào phí	Giảm khác	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ	667.618.041	2.461.874.253	1.940.576.101	-	1.188.916.193
- Thuê mặt bằng làm trạm xăng dầu	371.250.000	519.000.000	514.000.000	-	376.250.000
- Chi phí khác	3.202.144.707	981.596.280	906.972.330	3.080.918.620	195.850.037
Cộng	4.241.012.748	3.962.470.533	3.361.548.431	3.080.918.620	1.761.016.230

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

10. Thuế GTGT được khấu trừ	10.028.201.278	-
Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ còn được khấu trừ.		
11. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước		
Là số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước hoặc số thuế đã nộp được xét miễn giảm hoặc cho thoái thu nhưng chưa thực hiện:		
- Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	2.537.134.911	16.666.602.869
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	4.209.683.011	12.554.839.798
- Thuế Xuất, nhập khẩu	3.291.934.000	32.192.885.068
Cộng	10.038.751.922	61.414.327.735
12. Phải thu dài hạn khác		
- Đặt cọc thuê mặt bằng làm trạm xăng dầu	280.000.000	280.000.000
- Đặt cọc để thực hiện dự án kho xăng dầu		
- Cục Hậu cần quân khu 7	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	20.280.000.000	20.280.000.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

13. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
- Số đầu năm		489.955.887.369	50.140.156.346	75.380.751.099	6.926.666.232	8.034.634.624	630.438.095.670
- Mua trong năm		378.513.000	2.169.739.636	-	-	-	2.548.252.636
- Đầu tư XDCB hoàn thành		29.339.526.917	4.418.373.136	1.646.096.638	-	-	35.403.996.691
- Thanh lý, nhượng bán		(43.697.068.004)	(4.677.837.488)	(5.267.825.428)	(1.395.284.230)	(7.046.666.624)	(62.084.681.774)
- Giảm khác		(8.991.949.622)	-	-	-	-	(8.991.949.622)
- Số cuối năm		466.984.909.660	52.050.431.630	71.759.022.309	5.531.382.002	987.968.000	597.313.713.601
Giá trị hao mòn							
- Số đầu năm		286.397.184.576	37.721.314.712	37.961.745.084	3.444.672.245	7.928.825.624	373.453.742.241
- Khấu hao trong năm		22.372.462.263	3.012.983.671	5.396.402.942	564.954.031	26.004.000	31.372.806.907
- Thanh lý, nhượng bán		(43.597.246.015)	(4.677.323.429)	(4.787.020.860)	(1.387.347.004)	(7.046.666.624)	(61.495.603.932)
- Giảm khác		(3.933.640.917)	-	-	-	-	(3.933.640.917)
- Số cuối năm		261.238.759.907	36.056.974.954	38.571.127.166	2.622.279.272	908.163.000	339.397.304.299
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm		203.558.702.793	12.418.841.634	37.419.006.015	3.481.993.987	105.809.000	256.984.353.429
- Tại ngày cuối năm		205.746.149.753	15.993.456.676	33.187.895.143	2.909.102.730	79.805.000	257.916.409.302
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng							
- Tại ngày đầu năm		193.407.018.862	25.402.218.576	19.847.809.599	2.349.713.012	7.829.614.624	248.836.374.673
- Tại ngày cuối năm		151.859.287.312	25.038.952.449	17.642.124.206	1.399.261.945	782.948.000	196.722.573.912

038422-00
 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ
 KIỂM TOÁN NỘI BỘ
 LÂM VĂN VI
 CHỨC VỤ: KIỂM TOÁN
 TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ RỦI RO
 HỒ TÀI KHOẢN: PH. MINH
 (CHỮ CHỮ)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính.
 82-00
 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ
 KIỂM TOÁN NỘI BỘ
 LÂM VĂN VI
 CHỨC VỤ: KIỂM TOÁN
 TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ RỦI RO
 HỒ TÀI KHOẢN: PH. MINH
 (CHỮ CHỮ)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

14. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Giấy phép xả nước thải (a)	Tổng cộng
Nguyên giá				
- Số đầu năm	48.164.908.982	183.232.663.656	318.181.819	231.715.754.457
- Tăng trong năm	-	-	-	-
- Giảm khác (b)	(43.332.090.800)	(10.332.497.000)	-	(53.664.587.800)
- Số cuối năm	4.832.818.182	172.900.166.656	318.181.819	178.051.166.657
Giá trị hao mòn				
- Số đầu năm	-	55.026.319.598	7.954.545	55.034.274.143
- Khấu hao trong năm	-	4.437.794.392	31.818.180	4.469.612.572
- Giảm trong năm	-	(1.944.460.006)	-	(1.944.460.006)
- Số cuối năm	-	57.519.653.984	39.772.725	57.559.426.709
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	48.164.908.982	128.206.344.058	310.227.274	176.681.480.314
- Tại ngày cuối năm	4.832.818.182	115.380.512.672	278.409.094	120.491.739.948

(a) Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 07 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.

(b) Giá trị Quyền sử dụng đất liên quan đến các Dự án bất động sản Công ty đã mở bán Công ty chuyển sang theo dõi trên hàng hóa bất động sản tồn kho:

+ Khu Biệt thự vườn Chánh Mỹ.

+ Cao ốc Bình Dương.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

15. Bất động sản đầu tư

Nhóm TSCĐ Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá			
- Số đầu năm	158.062.843.429	31.884.551.972	189.947.395.401
- Tăng trong năm	-	-	-
- Số cuối năm	158.062.843.429	31.884.551.972	189.947.395.401
Giá trị hao mòn			
- Số đầu năm	5.274.499.225	15.004.506.128	20.279.005.353
- Khấu hao trong năm	771.422.508	435.833.028	1.207.255.536
- Số cuối năm	6.045.921.733	15.440.339.156	21.486.260.889
Giá trị còn lại			
- Tại ngày đầu năm	152.788.344.204	16.880.045.844	169.668.390.048
- Tại ngày cuối năm	152.016.921.696	16.444.212.816	168.461.134.512

(*) Quyền sử dụng đất, bao gồm:

- + Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên. Theo Hợp đồng thuê đất số 330/HĐ.TĐ ngày 13 tháng 02 năm 2007 đã ký với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương (do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bình Dương làm đại diện), Công ty được thuê 10.874,7 m² của thửa đất số 78, tờ bản đồ số 66 tại Phường Hiệp Thành, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 14 tháng 10 năm 2043.
- + Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

16. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án:

- Khu dân cư An Sơn	191.296.137.500	-
- Khu Biệt thự vườn Chánh Mỹ	-	350.023.564.217
- Cao Ốc Bình Dương	-	75.517.573.011
Cộng	191.296.137.500	425.541.137.228

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng dở dang của các công trình:

Công trình	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
- Công trình Kho Nhót	4.348.205.418	2.320.154.611	6.668.360.029	-
- Công trình Phụ	257.256.087	6.437.016.036	1.288.845.720	5.405.426.403
- Dự án Công viên mở rộng	388.415.033	1.139.757.198	664.305.865	863.866.366
- Hệ thống Cửa hàng Xăng dầu	616.184.901	6.343.935.890	6.897.775.056	62.345.735
- Dự án Khu kho cảng, xăng dầu, dân cư và tái định cư (An Sơn, Chánh Mỹ, Nhà Bè)	735.040.181.490	115.264.025.844	164.790.255.859	685.513.951.475
- Công trình Mở Đá	19.367.438.412	11.475.989.183	-	30.843.427.595
- Dự án Cao ốc Bình Dương	702.802.998	-	702.802.998	-
- Khu Công nghiệp Sóng Thần I	1.695.309.091	163.000.000	1.858.309.091	-
- Công trình Nhà hàng Tiệc cưới	16.690.811.165	8.710.673.541	25.401.484.706	-
Cộng	779.106.604.595	151.854.552.303	208.272.139.324	722.689.017.574

038482-01
 CÔNG TY TNHH
 KIỂM TOÁN
 HÀN TÂM VIỆT
 CHI NHÁNH
 TẠI THÀNH PHỐ
 HỒ CHÍ MINH
 HPHỒHỒC

18. Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con:

- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	830.000.000.000	812.826.705.098
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Dương	78.144.000.000	76.922.029.737
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	38.314.539.787	38.314.539.787
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	7.673.000.000	7.673.000.000
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	26.011.998.398	26.011.998.398
Cộng	1.004.143.538.185	985.748.273.020

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

Vốn góp và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty vào các Công ty con tại ngày 31/12/2015 như sau:

	Vốn của Tổng Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty
- Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	830.000.000.000	830.000.000.000	100%
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Dương	78.144.000.000	78.144.000.000	100%
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	38.314.539.787	50.020.539.787	76,60%
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	30.000.000.000	80%
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	7.673.000.000	13.500.000.000	57%
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương (*)	26.011.998.398	26.011.998.398	100%
Cộng	1.004.143.538.185		

(*) Số vốn của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương được trình bày trên cột Vốn điều lệ là Vốn đầu tư của chủ sở hữu ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm ngày 31/12/2015. Vốn điều lệ đăng ký trên Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 04, ngày 09 tháng 07 năm 2015 là 26.000.000.000 Đồng. Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương chưa đăng ký thay đổi Vốn điều lệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.

19. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào phí	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ	1.646.960.237	3.502.086.980	2.079.045.310	3.070.001.907
- Phí giữ hộ xăng dầu từ năm 2012 đến năm 2018 (1)	9.900.000.008	-	2.200.000.001	7.700.000.007
- Tiền thuê kho xăng dầu (2)	11.154.000.000	-	-	11.154.000.000
- Tiền thuê đất Cửa hàng xăng dầu 24 (2.089,1 m ²) (3)	-	4.290.909.092	44.930.986	4.245.978.106
- Phí dự án Khu Dân Cư Bình Đường (Công ty Dĩnh Huy)	-	5.494.141.733	-	5.494.141.733
- Phí chuyển nhượng một phần QSDĐ tại KCN Nam Tân Uyên (Công ty C.A)	4.575.410.193	-	4.575.410.193	-
- Tiền thuê đất trả trước (Công ty Du lịch Công đoàn Bình Dương)	4.363.636.364	-	4.363.636.364	-
Cộng	31.640.006.802	13.287.137.805	13.263.022.854	31.664.121.753

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

- (1) Chi phí trả trước phí giữ hộ xăng dầu phải trả cho Kho xăng dầu VK 102, Cục Hậu Cần, Quân Khu 7 tại ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Điều 3 Hợp đồng tiếp nhận, giữ hộ và bơm rót xăng dầu số VK102.CHC.QK7-Thanh Lễ ngày 09 tháng 07 năm 2012 phí giữ hộ xăng dầu một năm là 2.000.000.000 đồng/năm (chưa gồm 10% thuế VAT) trong suốt thời gian 07 năm (từ năm 2012 đến hết năm 2018).
- (2) Chi phí tiền sử dụng đất trả trước theo Hợp đồng hợp tác đầu tư sử dụng đất quốc phòng vào mục đích kinh tế số 01-2012/CHC.QK7 - Thanh Lễ ngày 14 tháng 05 năm 2012 giữa Cục Hậu Cần Quân khu 7 và Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV.
- (3) Chi phí trả trước tiền thuê khu đất xây dựng trạm kinh doanh xăng dầu số 24. Theo hợp đồng nguyên tắc ngày 24 tháng 08 năm 2011 Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV thuê lại thửa đất số 422, tờ bản đồ số 4AB.7 tại phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Công đoàn Bình Dương trong thời hạn 20 năm, kể từ ngày bàn giao đất. Đơn giá thuê 20.000.000 đồng/tháng, tiền thuê đất cho 20 năm là 4.800.000.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%).

20. Phải trả người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn	415.096.514.367	1.279.168.909.987
- Petrolimex Singapore PTE LTD	175.903.415.478	-
- Petrochina International (Singapore) Pte Ltd	88.860.935.500	-
- Petro Summit PTE LTD	88.157.314.463	299.961.027.133
- Công ty TNHH TM và DV Tổng hợp Hòa Khánh	40.921.630.708	52.918.815
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	7.551.549.310	3.248.535.722
- Asia Pacific Petroleum Trading Pte Ltd	-	102.666.083.964
- Winson Oil Trading Pte Ltd	-	143.149.369.883
- Các khoản phải trả nhà cung cấp ngắn hạn khác	11.588.542.588	12.266.090.395
Cộng	828.079.902.414	1.840.512.935.899

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Công ty TNHH Địa ốc Ngôi Nhà Thân Yêu	6.500.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Phú Sang	10.902.844.852	6.326.854.697
- Đào Ngọc Thái	2.800.000.000	2.000.000.000
- Nguyễn Thị Ngọc Thủy	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty TNHH TM DV Hiệp Quế	-	40.238.284.258
- Nguyễn Văn Dũng	-	1.200.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải STS	-	2.000.000.000
- DNTN Thương Mại Thế Mỹ	-	4.510.918.400
- DNTN Xăng Dầu Tiến Thành	-	1.519.665.200
- Phạm Mai Thanh Thảo	-	2.000.000.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	12.370.500.165	15.352.404.590
Cộng	34.573.345.017	77.148.127.145

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	63.570.530.171	797.801.167.473	863.901.134.753	(2.529.437.109)
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	(12.554.839.798)	280.377.903.478	272.032.746.691	(4.209.683.011)
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	(32.192.885.068)	1.092.112.135.113	1.063.211.184.045	(3.291.934.000)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	9.227.179.370	24.762.028.681	18.782.552.282	15.206.655.769
- Thuế Thu nhập cá nhân	348.318.080	446.486.221	746.438.389	48.365.912
- Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	19.088.632.199	19.088.632.199	-
- Các loại thuế khác	177.627.421.341	1.499.251.097.145	1.539.323.539.746	137.554.978.740
Cộng	206.025.724.096	3.713.839.450.310	3.777.086.228.105	142.778.946.301
Trong đó				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	267.440.051.831			152.817.698.223
- Thuế nộp thừa (*)	61.414.327.735			10.038.751.922

338482-06
 CÔNG TY TNHH
 KIỂM TOÁN
 TÂM VĨ
 CHI NHÁNH
 TẠI THÀNH PHỐ
 HỒ CHÍ MINH
 PHỐ HỒ C

182-
 TỶ T
 TOA
 M V
 NH
 I M
 HỒ C

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

- (*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.11)

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

- * 5% : Nước sinh hoạt;
- * 10% : xăng, dầu, nhớt các loại; dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho...

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập tính thuế.

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 10%, áp dụng cho mặt hàng xăng A92 nhập khẩu.

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan.

Tiền thuê đất

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Thuế.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

23. Phải trả người lao động	783.078.675	13.282.287.332
Tiền lương, các khoản có tính chất lương và các khoản còn phải trả khác thuộc về thu nhập của người lao động.		
24. Chi phí phải trả ngắn hạn	2.296.053.560	3.130.885.925
Chi phí lãi vay còn phải trả.		
25. Phải trả ngắn hạn khác		
- Kinh phí công đoàn còn phải nộp	578.222.977	326.723.468
- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. HCM	-	93.324.527.325
- Công viên Văn hóa Thanh Lễ	-	75.300.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	-	50.644.323
Cộng	578.222.977	93.777.195.116
26. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
26.1 Vay ngắn hạn	3.093.085.100.688	2.812.263.366.397
26.2 Vay dài hạn đến hạn trả	243.437.500.000	170.000.000.000
Cộng	3.336.522.600.688	2.982.263.366.397

a. **Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng vay số 051B15 ngày 28 tháng 07 năm 2015. Chi tiết:**

- Hạn mức vay : 2.000.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 03 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu.
- Lãi suất : Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.

- Tài sản đảm bảo : Khoản vay theo Hợp đồng này được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh (xăng dầu các loại) trị giá tối thiểu: 700.000.000.000 Đồng.

Tiền gửi có kỳ hạn của Bên vay tại Bên cho vay trị giá: 100.000.000.000 Đồng

Các thỏa thuận chi tiết về tài sản, quyền và nghĩa vụ của các bên được xác định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 059TC10 ngày 04/03/2010, Hợp đồng cầm cố tài sản số 099BS14 ngày 21/07/2014 và các hợp đồng đảm bảo khác (nếu có) được ký giữa Bên cho vay và Bên vay kèm theo.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 059TC10 ngày 04/03/2010:

Tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển trong quá trình kinh doanh (xăng và dầu các loại) của Bên thế chấp. Trong trường hợp nếu tài sản thế chấp được chuyển thành quyền đòi nợ thì Bên thế chấp có nghĩa vụ phải thu nợ qua các tài khoản mở tại Bên nhận thế chấp. Các khoản tiền bảo hiểm đối với tài sản trên.

Tổng giá trị các tài sản này được định giá 600.000.000.000 Đồng theo Biên bản định giá số 049/NHNT/2010 ngày 04/03/2010 sử dụng để xét duyệt cho vay.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 099BS14 ngày 21/07/2014: Tài sản cầm cố theo Hợp đồng này bao gồm:

Số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 100.000.000.000 Đồng Bên cầm cố mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (Số tài khoản 0285000829375 ngày gửi 21/07/2014, kỳ hạn 12 tháng)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

b. **Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương** theo Hợp đồng vay số 15.49.0123/2015-HĐTDHM/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 04 tháng 09 năm 2015. Chi tiết:

- Hạn mức vay : 2.300.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 04/09/2015 đến hết ngày 31/08/2016.
- Thời hạn vay : 05 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu.
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

c. **Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn** theo Hợp đồng vay số 19980.15.110.969666.TD ngày 18 tháng 09 năm 2015. Chi tiết:

- Hạn mức vay : 20.000.000,00 USD hoặc VND tương đương.
- Thời hạn cấp hạn mức : Từ ngày ký hợp đồng cho đến ngày 30/08/2016.
- Thời hạn vay : 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2015-2016.
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

d. **Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương** theo Hợp đồng vay số 1800-LAV-2013-01213 ngày 09 tháng 10 năm 2013 và các Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-201301213 lần 1 ngày 13/03/2014; lần 2 ngày 14/05/2014; lần 3 ngày 09/10/2013. Chi tiết:

- Hạn mức vay : 900.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Tối đa đến hết ngày 26/05/2016
- Thời hạn vay : 03 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

e. **Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 0004/HDDTD2 - VIB880/15 ngày 15 tháng 10 năm 2015. Chi tiết:**

- Hạn mức vay : 200.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này.
- Thời hạn vay : 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

f. **Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng vay số 441.0178/2015/HĐTDHM-DN/PGB.SG ngày 18 tháng 12 năm 2015. Chi tiết:**

- Hạn mức vay : 450.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 18/12/2016.
- Thời hạn vay : 03 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh.
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

g. **Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng vay số 01/2015/83406/HĐTD ngày 15 tháng 06 năm 2015. Chi tiết:**

- Hạn mức vay : 1.000.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 3 tháng kể từ ngày nhận được khoản tiền vay ghi trên Giấy nhận nợ.
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

h. **Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Bình Dương** theo Hợp đồng vay số 034/2015/HDHM-PN/SHB.130200 ngày 12 tháng 08 năm 2015. Chi tiết:

- Hạn mức vay : 1.350.000.000.000 Đồng.
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này.
- Thời hạn vay : 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

26.2 Vay dài hạn đến hạn trả

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	-	73.437.500.000	-	73.437.500.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Bình Dương	170.000.000.000	170.000.000.000	170.000.000.000	170.000.000.000
Cộng	170.000.000.000	243.437.500.000	170.000.000.000	243.437.500.000

(Xem Thuyết minh V.31)

27. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận (*)	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ Khen thưởng	10.281.375.126	6.358.830.062	1.048.846.361	15.591.358.827
- Quỹ Phúc lợi	6.855.175.287	6.358.830.062	5.359.151.992	7.854.853.357
- Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	1.462.887.745	352.267.503	540.000.000	1.275.155.248
Cộng	18.599.438.158	13.069.927.627	6.947.998.353	24.721.367.432

(*) Tham chiếu Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.32.4

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

28. Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Tình hình tăng giảm Quỹ bình ổn giá xăng dầu trong năm:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Đã sử dụng trong năm	Số cuối năm
- Quỹ bình ổn giá	333.569.520.862	370.309.624.280	560.579.236.679	143.299.908.463
- Lãi quỹ bình ổn giá	246.606.700	1.025.394.399	-	1.272.001.099
Cộng	333.816.127.562	371.335.018.679	560.579.236.679	144.571.909.562

29. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là doanh thu cho thuê hạ tầng Khu công nghiệp, thuê văn phòng:

- Số đầu năm	280.708.062.715	288.303.973.865
- Tăng trong năm	39.251.947.057	60.817.096.145
- Doanh thu đã thực hiện trong năm	(27.554.392.173)	(68.413.007.295)
- Số cuối năm	292.405.617.599	280.708.062.715

30. Phải trả dài hạn khác

Chủ yếu là các khoản tiền nhận ký quỹ của các khách hàng thuê đất, thuê kho bãi, văn phòng và nhà xưởng. Chi tiết:

- Công ty CP Giang Nam Logistics	50.000.000.000	-
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải STS	2.000.000.000	-
- Công ty TNHH Dong - A Vina	3.435.501.720	3.258.696.840
- Công ty TNHH Đất Mới	742.102.452	703.910.844
- Công ty TNHH Gomo Việt Nam	1.352.400.000	1.282.800.000
- Công ty TNHH Dae Kwang Apparel	6.762.000.000	6.414.000.000
- Công ty TNHH Interchina Management Việt Nam	1.019.006.352	966.564.144
- Ngân Hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - Chi nhánh Bình Dương	676.200.000	641.400.000
- Công ty TNHH Saveri Home & Garden Việt Nam	393.548.400	373.294.800
- Công ty Cổ Phần Sung Hyun Vina	4.113.493.650	3.901.796.550
- Công ty TNHH ScanCom Việt Nam	3.012.714.432	2.857.667.904

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

- Công ty TNHH Bất động sản Thảo Điền	1.799.802.000	1.799.802.000
- Công ty TNHH Nhựa Tai Yuan Bình Dương	1.904.720.160	1.806.695.520
Cộng	77.211.489.166	24.006.628.602

31. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
31.1 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	97.000.000.000	229.000.000.000	73.437.500.000	252.562.500.000
31.2 Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Bình Dương	170.000.000.000	-	170.000.000.000	-
Cộng	267.000.000.000	229.000.000.000	243.437.500.000	252.562.500.000

31.1 Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương theo các Hợp đồng vay sau

a. Hợp đồng vay số 14490121/2014/HĐTDDA/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 23 tháng 12 năm 2014. Chi tiết:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Thời gian ân hạn : 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Mục đích vay : Dùng để thanh toán các chi phí hợp lệ để thực hiện dự án đầu tư kho cảng thủy nội địa An Sơn (bao gồm cả cho vay để bù đắp đối với các chi phí đã phát sinh trên 24 tháng) nhưng không bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng và thuế Giá trị gia tăng đầu vào của dự án.
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn gồm: công trình bến, kè, kho, bãi, cầu cảng, công trình kỹ thuật, giao thông, cây xanh, công trình hành chính - dịch vụ - phụ trợ,... thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn theo Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 14.49.0123/TC ngày 23 tháng 12 năm 2014. Tại thời điểm ký kết hợp đồng này, các bên thống nhất tạm định giá giá trị của Tài sản thế chấp là 432.575.000.000 Đồng.

38422-0
 CÔNG TY TNHH
 KIỂM TOÁN
 TÂM V
 CHI NHÁNH
 BÌNH DƯƠNG
 SỐ CHỈ M
 PHỐ HỒ

482
 CÔNG TY
 M T
 TÂM
 NHÀ
 HÀNH
 CHỈ M
 SỐ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích đối với các tài sản dưới đây:

- + Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn.
- + Các quyền và lợi ích phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản nêu trên, bao gồm cả quyền nhận tiền bảo hiểm.
- + Tất cả các quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác liên quan đến các tài sản nêu trên.

Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp động sản số 14.49.0127/TC ngày 23 tháng 12 năm 2014, các bên thống nhất định giá giá trị của Tài sản thế chấp là 60.000.000.000 Đồng.

- Số dư 31/12/2015: 197.000.000.000 Đồng

Trong đó

- Vay và nợ dài hạn: 147.750.000.000 Đồng

- Vay đến hạn trả trong năm 2016: 49.250.000.000 Đồng

b. Hợp đồng vay số 15.49.0012/2015-HĐTDDA/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 16 tháng 03 năm 2015. Chi tiết:

- Hạn mức vay: 224.000.000.000 Đồng

- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

- Thời gian ân hạn: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

- Mục đích vay: Cho vay thanh toán các chi phí hợp lệ để thực hiện Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK102-Nhà Bè giai đoạn 1 (bao gồm cả cho vay bù đắp đối với các chi phí đã phát sinh trên 24 tháng) nhưng không bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng và thuế Giá trị gia tăng đầu vào của dự án.

- Lãi suất: Xác định theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.

- Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè gồm: hạ tầng kỹ thuật (đường nội bộ, bãi đậu xe, hệ thống tường kè và hệ thống tuyến ống công nghệ), cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của nhà kho (nhà kho, nhà điều hành cấp phát, hệ thống bảo vệ, hệ thống ngăn đê chống tràn dầu, trạm xử lý nước nhiễm dầu, hệ thống trang thiết bị phục vụ xuất nhập tồn trữ xăng dầu), hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, điện, công, hàng rào, thuộc Dự án đầu tư mở rộng kho

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

xăng dầu VK 102 - Nhà Bè theo Quyết định số 2212/QĐ-BTL ngày 12/12/2013 của Bộ tư lệnh Quân khu 7. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 15.49.0032/TC ngày 16/3/2015 các bên thống nhất tạm định giá giá trị của tài sản thế chấp là 96.443.000.000 VND.

Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư mở rộng Kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè giai đoạn 1 (hệ thống bồn chứa, đường ống công nghệ, máy móc thiết bị các loại,...). Các quyền, lợi ích của Bên B phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản nêu trên. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 15.49.0033/TC ngày 16 tháng 03 năm 2015 các bên thống nhất tạm định giá giá trị của tài sản thế chấp là 185.135.000.000 VND.

- Số dư 31/12/2015 : 129.000.000.000 Đồng

Trong đó

- Vay và nợ dài hạn : 104.812.500.000 Đồng

- Vay đến hạn trả : 24.187.500.000 Đồng
trong năm 2016

31.2 Khoản vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng số 101-14/HĐTD-BD ngày 16 tháng 7 năm 2014

- Hạn mức vay : 340.000.000.000 Đồng

- Thời hạn vay : 24 tháng kể từ ngày Bên vay bắt đầu nhận tiền vay

- Mục đích vay : Bù đắp chi phí đầu tư công trình Khu biệt thự vườn Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

- Lãi suất : Lãi suất cho vay bằng (=) Lãi suất tiền gửi của hợp đồng tiền gửi làm tài sản đảm bảo cộng (+) Margin 2,2%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.

- Tài sản đảm bảo : Cầm cố toàn bộ khoản tiền theo một hoặc nhiều Hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của Bên vay tại Ngân hàng. Nếu thời hạn còn lại của Hợp đồng tiền gửi ngắn hơn của khoản vay, Bên vay cam kết tái tục Hợp đồng tiền gửi hoặc bổ sung tài sản khác hoặc thay đổi Hợp đồng tiền gửi mới để đảm bảo (Gốc + lãi) của Hợp đồng tiền gửi của Khách hàng tại Ngân hàng luôn lớn hơn hoặc bằng (Gốc + lãi) của khoản vay.

- Số dư 31/12/2015 : 170.000.000.000 Đồng

Trong đó

- Vay và nợ dài hạn : 0 Đồng

- Vay đến hạn trả : 170.000.000.000 Đồng
trong năm 2016

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

32. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
32.1	Vốn đầu tư của CSH	1.639.000.000.000	62.540.143.897	-	1.701.540.143.897
32.2	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	8.701.420.577	8.701.420.577	-
32.3	Quỹ đầu tư phát triển	31.279.324.118	12.865.554.614	44.144.878.732	-
32.4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	42.885.182.046	42.885.182.046	-
	Cộng	1.670.279.324.118	126.992.301.134	95.731.481.355	1.701.540.143.897

32.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 11 tháng 11 năm 2015, Vốn điều lệ đăng ký là 1.717.144.000.000 Đồng.

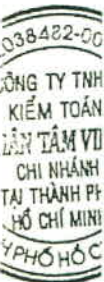
Số vốn chủ sở hữu tăng trong năm do:

- Bổ sung từ Quỹ Đầu tư phát triển	44.144.878.732
- Bổ sung từ giá trị vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	17.173.294.902
- Bổ sung từ Giá trị vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Bình Dương	1.221.970.263
Cộng	62.540.143.897

32.3 Quỹ Đầu tư phát triển

Tình hình tăng giảm Quỹ Đầu tư phát triển trong năm:

- Số đầu năm	31.279.324.118
- Bổ sung từ lợi nhuận năm nay	12.865.554.614
- Chuyển sang tăng vốn chủ sở hữu	(44.144.878.732)
- Số cuối năm	-



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

32.4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế năm 2015 đã được Tổng Công ty tạm phân phối. Tổng Công ty sẽ trình Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương phê duyệt bằng văn bản theo quy định.

- Lợi nhuận sau thuế năm nay		42.885.182.046
- Phân phối lợi nhuận năm nay		(42.885.182.046)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(12.865.554.614)	
+ Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(12.717.660.124)	
+ Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	(352.267.503)	
+ Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách Nhà nước	(16.949.699.805)	
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển năm sau		-

33. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.512,01	34.080.705	1541,45	32.956.200

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
34. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	13.348.679.261.291	24.290.650.443.178
- Doanh thu bán các thành phẩm	161.991.818	1.230.986.636
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.885.818.971	104.169.762.376
- Doanh thu kinh doanh BĐS	341.993.765.690	369.809.712.792
Cộng	13.732.720.837.770	24.765.860.904.982

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

35. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.159.426.060.233	24.219.383.165.637
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	419.178.521	2.151.275.634
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28.475.742.877	23.948.482.206
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	208.370.481.500	179.750.197.171
Cộng	13.396.691.463.131	24.425.233.120.648
36. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	79.403.758.077	100.214.170.871
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	115.296.131.891	94.991.724.625
- Lãi chênh lệch tỷ giá	2.403.742.003	19.151.403
Cộng	197.103.631.971	195.225.046.899
37. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi tiền vay	110.151.176.572	119.035.361.570
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	107.778.337.238	25.606.734.436
Cộng	217.929.513.810	144.642.096.006
38. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	44.724.869.357	56.197.219.124
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.969.300.820	2.972.296.500
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.008.069.197	2.251.917.066
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.244.672.000	5.996.473.247
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.263.137.605	86.494.725.522
- Chi phí bằng tiền khác	71.116.575.374	124.591.827.711
Cộng	206.326.624.353	278.504.459.170

J M.S.C.A.

203848
CÔNG TY
KIỂM T
LÊN TÂM
CHI NH
TẠI THÀNH
HỒ CHÍ M
PHỐ HỒ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

39. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	17.303.789.239	14.711.295.677
- Chi phí vật liệu quản lý	632.650.845	967.965.525
- Chi phí đồ dùng văn phòng	623.262.130	699.039.497
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.781.722.762	4.771.064.069
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.883.245.452	6.202.234.092
- Chi phí bằng tiền khác	8.404.846.637	11.990.935.106
Cộng	42.629.517.065	39.342.533.966

40. Thu nhập khác

- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	436.363.636	-
- Phí dịch vụ chuyển hàng	-	1.699.317.345
- Tiền đất tái định cư	-	52.923.848.574
- Thu tiền điện, nước khách thuê	295.146.542	271.401.460
- Phí tàu già, phí lưu tàu, thu hoàn phí BH	841.732.824	1.474.293.981
- Thu nhập khác	607.533.890	962.421.882
Cộng	2.180.776.892	57.331.283.242

41. Chi phí khác

- Chi phí khu tái định cư	-	5.547.723.998
- Phí dịch vụ chuyển hàng	-	1.699.317.345
- Chi phí thanh lý TSCĐ	589.077.842	3.173.999
- Phí tàu già, phí lưu tàu	114.856.006	1.139.501.592
- Chi phí khác	76.983.699	202.925.580
Cộng	780.917.547	8.592.642.514

2038482-G
CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN
NHÂN TÂM VIỆT
CHI NHÁNH
TẠI THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
PHỐ HỒ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

42. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.647.210.727	122.102.382.819
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	185.000.000	10.080.000
- Trừ (-) thu nhập không chịu thuế	115.296.131.891	(85.227.037.384)
- Tổng thu nhập chịu thuế	(47.463.921.164)	207.339.500.203
Trong đó:		
+ Thu nhập từ hoạt động kinh doanh BĐS	112.554.675.822	56.711.573.594
+ Thu nhập từ hoạt động SXKD	(160.018.596.986)	(13.432.446.850)
- Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>24.762.028.681</u>	<u>12.476.546.191</u>

VII. THÔNG TIN CHO NHỮNG KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

Trong năm, Công ty đã bổ sung vốn chủ sở hữu từ các nguồn sau:

- Bổ sung từ Quỹ Đầu tư phát triển	44.144.878.732	(Xem Thuyết minh V.32.1)
- Bổ sung từ giá trị vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	17.173.294.902	(Xem Thuyết minh V.32.1)
- Bổ sung từ Giá trị vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Bình Dương	1.221.970.263	(Xem Thuyết minh V.32.1)
Cộng	<u>62.540.143.897</u>	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Sản xuất kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty con

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

Giao dịch với các bên liên quan:

Bên liên quan Các giao dịch	Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty Sản xuất Kinh doanh Thanh Lê	Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương
* Phải thu kinh doanh Xăng dầu						
- Số đầu năm	2.252.727.170	35.523.381.680	-	-	10.562.450	-
- Tăng trong năm	41.363.468.696	446.336.051.191	-	-	132.530.360	45.272.972.000
- Giảm trong năm	40.549.292.366	438.682.167.589	-	-	131.785.850	45.275.632.000
- Số cuối năm	3.066.903.500	43.177.265.282	-	-	11.306.960	(2.660.000)
* Phải thu lãi cổ tức						
- Số đầu năm	-	2.400.000.000	14.718.679.937	4.337.936.510	383.650.000	62.707.544.222
- Tăng trong năm	4.778.158.328	-	-	10.152.936.743	690.570.000	99.674.466.820
- Giảm trong năm	-	2.400.000.000	-	4.337.936.510	652.205.000	62.707.544.222
- Số cuối năm	4.778.158.328	-	14.718.679.937	10.152.936.743	422.015.000	99.674.466.820
* Nợ phải trả						
- Số đầu năm	3.248.535.722	(44.227.724.619)	-	-	-	-
- Tăng trong năm	81.067.839.160	863.003.516.361	-	-	156.604.544	-
- Giảm trong năm	76.764.825.572	818.775.791.742	-	-	156.604.544	-
- Số cuối năm	7.551.549.310	-	-	-	-	-



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

2. Thông tin so sánh

- ❖ Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố lại số liệu năm 2014 theo Biên bản kiểm toán ngày 22 tháng 6 năm 2015.
- ❖ Để đảm bảo tính có thể so sánh giữa các chỉ tiêu tương ứng của Báo cáo tài chính năm 2015, Tổng Công ty đã trình bày lại số liệu của một số chỉ tiêu có liên quan cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong Bảng Cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015

a. Bảng cân đối kế toán

Mã số	TÀI SẢN	Số đầu năm trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số đầu năm sau điều chỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) + (4)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	5.472.046.409.529	(445.732.224.165)	5.026.314.185.364
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.727.461.299.900	(12.256.436.856)	1.715.204.863.044
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	400.809.091.595	(31.154.000.000)	369.655.091.595
136	6 Phải thu ngắn hạn khác	83.992.265.697	17.975.898.875	101.968.164.572
139	8 Tài sản thiếu chờ xử lý	-	921.664.269	921.664.269
140	IV. Hàng tồn kho	1.433.512.869.874	(426.615.768.095)	1.006.897.101.779
141	1 Hàng tồn kho	1.433.512.869.874	(426.615.768.095)	1.006.897.101.779
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	72.515.359.697	(6.860.019.214)	65.655.340.483
155	5 Tài sản ngắn hạn khác	6.860.019.214	(6.860.019.214)	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	2.381.666.586.550	463.983.658.886	2.845.650.245.436
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	-	20.280.000.000	20.280.000.000
216	6 Phải thu dài hạn khác	-	20.280.000.000	20.280.000.000
220	II. Tài sản cố định	574.405.879.587	(140.740.045.844)	433.665.833.743
221	1 Tài sản cố định hữu hình	273.864.399.273	(16.880.045.844)	256.984.353.429
222	- Nguyên giá	662.322.647.642	(31.884.551.972)	630.438.095.670
227	3 Tài sản cố định vô hình	300.541.480.314	(123.860.000.000)	176.681.480.314
228	- Nguyên giá	355.575.754.457	(123.860.000.000)	231.715.754.457
229	- Giá trị hao mòn lũy kế	(55.034.274.143)	-	(55.034.274.143)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Số đầu năm trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số đầu năm sau điều chỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) + (4)
230	III. Bất động sản đầu tư	28.928.344.204	140.740.045.844	169.668.390.048
231	- Nguyên giá	34.202.843.429	155.744.551.972	189.947.395.401
232	- Giá trị hao mòn lũy kế	(5.274.499.225)	(15.004.506.128)	(20.279.005.353)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	771.818.082.937	432.829.658.886	1.204.647.741.823
241	1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	425.541.137.228	425.541.137.228
242	2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	771.818.082.937	7.288.521.658	779.106.604.595
260	VI. Tài sản dài hạn khác	20.766.006.802	10.874.000.000	31.640.006.802
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	20.486.006.802	11.154.000.000	31.640.006.802
268	4 Tài sản dài hạn khác	280.000.000	(280.000.000)	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	7.853.712.996.079	18.251.434.721	7.871.964.430.800
NGUỒN VỐN				
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	6.185.157.042.366	16.528.064.316	6.201.685.106.682
310	I. Nợ ngắn hạn	5.279.626.223.487	350.344.191.878	5.629.970.415.365
313	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	250.911.987.515	16.528.064.316	267.440.051.831
323	13 Quỹ bình ổn giá	-	333.816.127.562	333.816.127.562
330	II. Nợ dài hạn	905.530.818.879	(333.816.127.562)	571.714.691.317
339	9 Quỹ bình ổn giá xăng dầu	333.816.127.562	(333.816.127.562)	-
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.668.555.953.713	1.723.370.405	1.670.279.324.118
410	I. Vốn chủ sở hữu	1.668.555.953.713	1.723.370.405	1.670.279.324.118
418	8 Quỹ đầu tư phát triển	29.555.953.713	1.723.370.405	31.279.324.118
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	7.853.712.996.079	18.251.434.721	7.871.964.430.800

8482-
G TY T
EM TO
Y TÂM V
CHI NH
THÀNH
Ổ CHÍ MI
HỒ HỒ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

b. Báo cáo kết quả kinh doanh

Mã số	TÀI SẢN	Số năm trước chưa điều chỉnh	Điều chỉnh	Số năm trước sau điều chỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) + (4)
01 1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.772.864.458.023	(7.003.553.041)	24.765.860.904.982
02 2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
10 3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.772.864.458.023	(7.003.553.041)	24.765.860.904.982
11 4	Giá vốn hàng bán	24.424.158.489.781	1.074.630.867	24.425.233.120.648
20 5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	348.705.968.242	(8.078.183.908)	340.627.784.334
21 6	Doanh thu hoạt động tài chính	183.187.502.969	12.037.543.930	195.225.046.899
22 7	Chi phí tài chính	152.358.822.888	(7.716.726.882)	144.642.096.006
23 -	Trong đó: Chi phí lãi vay	126.752.088.452	(7.716.726.882)	119.035.361.570
24 8	Chi phí bán hàng	278.504.459.170	-	278.504.459.170
25 9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.342.533.966	-	39.342.533.966
30 10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	61.687.655.187	11.676.086.904	73.363.742.091
31 11	Thu nhập khác	82.349.435.468	(25.018.152.226)	57.331.283.242
32 12	Chi phí khác	30.461.828.134	(21.869.185.620)	8.592.642.514
40 13	Lợi nhuận khác	51.887.607.334	(3.148.966.606)	48.738.640.728
50 14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	113.575.262.521	8.527.120.298	122.102.382.819
51 15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.693.993.909	2.782.552.282	12.476.546.191
52 16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-
60 17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	103.881.268.612	5.744.568.016	109.625.836.628

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

3. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2015

Các Thông tư, văn bản luật có hiệu lực trong năm 2015 sau đây:

- Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính : Hướng dẫn về thuế Giá trị gia tăng và Quản lý thuế tại nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ.
- Thông tư liên tịch số 64/2015/TTLT-BTC-BCT-BCA-BQP ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Liên Bộ: Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng; quy định chế độ hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.
- Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn luật thuế Giá trị gia tăng và Luật thuế Thu nhập cá nhân. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/7/2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi.
- Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi

Bình Dương, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Người lập biểu

Hà Ngọc Sơn

Kế toán trưởng

Phạm Thị Băng Trang

Giám đốc



Đoàn Minh Quang